TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/DSST
Ngày: 08 - 12 - 2022
V/v tranh chấp dân sự về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

2. Bà Trần Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2021/TLST- DS, ngày 08 tháng 4 năm 2021 về "tranh chấp dân sự về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị D, sinh năm: 1959; địa chỉ: ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

2. Ông Võ Văn Bé A, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

3. Bà Võ Thị Mỹ L, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

4. Anh Võ Tấn C, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

5. Anh Võ Quang L, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

6. Võ Thị Thu S, sinh năm: 1995,

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Võ Thị D trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay trình bày:

Võ Thị D, ông Võ Văn L, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn Bé A và ông Võ Văn K là con của ông Võ Văn T (chết năm 2009), mẹ là Lê Thị Nh (chết từ lâu không nhớ năm). Khi cha mẹ còn sống có tạo lập được tài sản là đất. Do cha mẹ chết không để lại di chúc nên vào năm 2017 ông Võ Văn K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật. Trong quá trình toà án giải quyết vụ án chia thừa kế, các anh em đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Toà án nhân dân huyện Lấp Vò đã ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 67/2017/QDST-DS ngày 15/11/2017. Theo quyết định này thì Bà D, ông L, ông Đ, ông Bé A và ông K mỗi người được nhận di sản là diện tích 1.308m^2, gồm 60m^2 đất ở tại nông thôn thuộc một phần thửa đất số 460, tờ bản đồ 4a và 1.248m^2 đất CLN thuộc một phần thửa đất số 79a, tờ bản đồ 4a. Đối với phần đất được chia cho ông K thì ông K được quản lý, sử dụng đã xác định vị trí xong. Riêng phần diện tích đất của Bà D, ông L, ông Đ, ông Bé A được hưởng thì các anh em cùng thống nhất nhập thành một khối tài sản chung của 04 người gồm ông Đ, ông Bé A và ông L với diện tích chung là 5.231,8m^2 đất (gồm 240m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 460 và 4.991,8m^2 đất CLN thuộc thửa đất số 79a và một phần thửa 460) để sau này tự thoả thuận nhận vị trí đất sử dụng cho phù hợp, đất toạ lạc tại ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đ. Sau khi có quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò đã thi hành xong việc giao đất cho ông K và ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia. Còn Bà D, ông L, ông Bé A, ông Đ không có làm đơn yêu cầu thi hành án để nhận di sản nên phần tài sản chung của 04 người hiện nay vẫn đứng tên cha là Võ Văn T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thì Bà D đang giữ. Do có nhu cầu sử dụng phần tài sản được chia nên Bà D yêu cầu các anh em chia tài sản chung thì ông L không đồng ý do đó Bà D yêu cầu Toà án chia tài sản chung. Trước đây Bà D yêu cầu Tòa án chia cho Bà D được hưởng diện tích đất là 1.109,2m^2 theo Sơ đồ đo đạc thực tế ngày 10/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay Bà D thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông L chia cho Bà D được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 568,4m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, phần diện tích đất còn lại thì Bà D không yêu cầu chia tiếp. Phần diện tích đất Bà D yêu cầu dính một phần một phần tôn nên lót gạch tàu (sân và nên nhà) của ông L xây dựng sau khi đã xảy ra tranh chấp. Nay phía Bà D đồng ý sẽ thuê thợ tiến hành xây dựng lại cho ông L theo như yêu cầu của ông L, số tiền bao nhiều thì Bà D đồng ý trả tiền toàn bộ cho thợ, việc này do chưa biết số tiền là bao nhiêu nên nếu ông L đồng ý thì để hai bên tự thoả thuận với nhau để làm sau khi án có hiệu lực. Còn nếu không đồng ý

thì Bà D chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền là 5.000.000đ, còn hàng rào, mái chái, một phần nhà bếp thì yêu cầu ông L phải di dời.

Bà D thống nhất giá đất tranh chấp đối với đất ở tại nông thôn là 450.000đ/m^2 và đất trồng cây lâu năm là 90.000đ/m^2 theo như giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Bị đơn là ông Võ Văn L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay trình bày: Ông L thừa nhận diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ để lại cho 04 anh chị em chưa chia theo quyết định số 67/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò. Nay ông L chỉ đồng ý giao cho Bà D được quản lý sử dụng phần diện tích đất là 555,1m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M8, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Vì nếu đồng ý theo như yêu cầu của Bà D thì không có đường để đi ra sau thăm mộ và thăm vườn nên ông L yêu cầu chừa diện tích đất 13,5m^2 trong phạm vi các mốc M9, M8, M7 về M9 để làm lối đi chung. Trước đây ông L có yêu cầu phản tố là yêu cầu Toà án giải quyết phần diện tích ông L đồng ý giao cho Bà D cũng như phần diện tích đất Bà D yêu cầu có vướng vào một phần tôn nên lót gạch tàu (sân và nên nhà) ông L yêu cầu Bà D phải có nghĩa vụ thuê thợ làm lại nền cho ông L tiền bao nhiêu thì Bà D trả, nếu không đồng ý thì yêu cầu Bà D phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Còn lại toàn bộ tài sản của ông L có trên đất thì ông L tự nguyện đập, dỡ bỏ, di dời, không yêu cầu Toà án giải. Nay phía Bà D đồng ý sẽ tự thuê thợ để làm lại nền nhà và sân bao nhiêu tự trả thì ông L đồng ý để hai bên tự thoả thuận với nhau để làm sau khi án có hiệu lực nên thống nhất để hai bên tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, ông L rút yêu cầu phản tố. Đối với tài sản của ông L có trên đất nếu giao cho Bà D thì gia đình của ông L tự nguyên di dời. Ông L cũng không yêu cầu Toà án giải quyết chia phần diện tích đất còn lại đối với phần của ông L được hưởng theo quyết định mà để ông L, ông Đ và ông Bé A tự thoả thuận với nhau.

Ông L thống nhất giá đất tranh chấp đối với đất ở tại nông thôn là 450.000đ/m^2 và đất trồng cây lâu năm là 90.000đ/m^2 theo như giá mà Hội đồng định giá đã định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ tại phiên toà trình bày: Vào năm 2017, ông Võ Văn K có tranh chấp thừa kế phần diện tích đất do cha mẹ chết để lại. Toà án đã giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 67/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 theo đó các anh em thống nhất phân chia ông K, ông Đ, Bà D, ông L, ông Bé A mỗi người một phần bằng nhau là 1.308m^2 gồm 60m^2 đất ở tại nông thôn thuộc một phần thửa 460 và 1.248m^2 đất CLN thuộc một phần thửa 79a cùng tờ bản đồ số 4a. Phần của ông K thì đã thống nhất vị trí và ông K đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần của ông Đ, Bà D, ông L, ông Bé A thì cả 04 anh em thống nhất chưa tách bằng khoán để đứng tên riêng mà cha là Võ Văn Tư vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L, ông Đ và

ông Bé A đã cất nhà ở trên đất, còn Bà D thì chưa nhận đất sử dụng. Nay Bà D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 568,4m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì ông Đ đồng ý theo như yêu cầu của Bà D. Việc ông L cho rằng phải chừa diện tích đất 13,5m^2 trong phạm vi các mốc M9, M8, M7 về M9 để làm lối đi chung ra thăm mộ và vườn thì ông Đ không thống nhất. Vì mặc dù hiện nay giữa ông Đ, ông L và ông Bé A chưa làm thủ tục tách khoán nhưng các ông đã cất nhà ở phía trước giáp phần đất vườn và khu mộ gia đình nên nếu ông L, ông Bé A, ông Đ muốn ra thăm vườn và thăm mộ ông bà, cha mẹ thì tự đi từ phần đất của mình đi ra, không cần phải mở lối đi chung tại phần đất chia cho Bà D. Về phần đất của ông Đ chung với ông L và ông Bé A thì ông Đ không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung mà để ông Đ, ông L và ông Bé A tự thoả thuận chia với nhau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn Bé A tại phiên toà trình bày: Phần diện tích đất tranh chấp vào năm 2017, Toà án đã giải quyết bằng quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 67/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 theo đó các anh em thống nhất phân chia phần diện tích đất của cha mẹ để lại tại thửa 460 và thửa 79a làm 05 phần bằng nhau gồm: ông K, ông Đ, Bà D, ông L, ông Bé A mỗi người được một phần là 1.308m^2 gồm 60m^2 đất ở tại nông thôn thuộc một phần thửa 460 và 1.248m^2 đất CLN thuộc một phần thửa 79a cùng tờ bản đồ số 4a. Phần của ông K thì đã thống nhất vị trí và ông K đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần của ông Đ, Bà D, ông L, ông Bé A thì cả 04 anh em thống nhất chưa tách bằng khoán để đứng tên riêng mà cha là Võ Văn T vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông L, ông Đ và ông Bé A đã cất nhà ở trên đất, còn Bà D thì chưa nhận đất sử dụng. Nay Bà D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 568,4m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì ông Bé A đồng ý theo như yêu cầu của Bà D. Việc ông L cho rằng phải chừa diện tích đất 13,5m^2 trong phạm vi các mốc M9, M8, M7 về M9 để làm lối đi chung ra thăm mộ và vườn thì ông Bé A không thống nhất. Vì mặc dù hiện nay giữa ông Bé A, ông Đ, ông L chưa làm thủ tục tách khoán nhưng các ông đã cất nhà ở phía trước giáp phần đất vườn và khu mộ gia đình nên nếu ông L, ông Bé A, ông Đ muốn ra thăm vườn và thăm mộ ông bà, cha mẹ thì tự đi từ phần đất của mình đi ra, không cần phải mở lối đi chung tại phần đất chia cho Bà D. Về phần đất của Bé Anh chung với ông Đ và ông L thì ông Bé A không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung mà để Bé Anh, ông Đ và ông L tự thoả thuận chia với nhau.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng thời hạn. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng không có.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà đủ cơ sở kết luận phần diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của Bà D, ông L, ông Đ và ông Bé A. Nay Bà D yêu cầu chia tài sản chung là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 219 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của Bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nên quan hệ tranh chấp được xác định là "tranh chấp dân sự về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất". Phần diện tích đất tranh chấp toạ lạc tại huyện Lấp Vò do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Mỹ L, anh Võ Tấn C, anh Võ Quang L, chị Võ Thị Thu S yêu cầu vắng mặt tại phiên toà. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Võ Thị D, ông Võ Văn L, ông Võ Văn Đ và ông Võ Văn Bé A đều thừa nhận phần diện tích đất tại thửa số 460 và thửa 79a cùng tờ bản đồ số 4a, đất toạ lạc tại ấp Hưng Mỹ Đông, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thuộc quyền sử dụng chung của 04 người gồm Bà D, ông L, ông Đ và ông Bé A. Nguồn gốc đất là các ông bà được nhận thừa kế theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số: 67/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà D yêu cầu chia cho Bà D được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 568,4m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Xét thấy: Theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số: 67/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò thì ông K, Bà D, ông L, ông Bé A và ông Đ thoả thuận thống nhất mỗi người được nhận di sản là diện tích 1.308m^2, gồm 60m^2 đất ở tại nông thôn thuộc một phần thửa đất số 460, tờ bản đồ 4a và 1.248m^2 đất CLN thuộc một phần thửa đất số 79a, tờ bản

đồ 4a. Bà D, ông L, ông Đ, ông Bé A thống nhất phần được hưởng thì các anh em cùng thống nhất nhập thành một khối tài sản chung của 04 người gồm ông Đ, ông Bé A và ông L với diện tích chung là 5.231,8m^2 đất (gồm 240m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 460 và 4.991,8m^2 đất CLN thuộc thửa đất số 79a và một phần thửa 460) để sau này tự thoả thuận nhận vị trí đất sử dụng cho phù hợp, đất toạ lạc tại ấp Hưng Mỹ Đông, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp. Sau khi có quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò đã thi hành xong việc giao đất cho ông K và ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia. Còn Bà D, ông L, ông Bé A, ông Đ không có làm đơn yêu cầu thi hành án để nhận di sản nên phần diện tích chung của 04 người hiện nay vẫn đứng tên Võ Văn Tư và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính thì Bà D đang giữ.

Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp là 5.231,8m^2 đất, gồm 240m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 460 và 4.991,8m^2 đất CLN thuộc thửa đất số 79a và một phần thửa 460, đo đạc thực tế là 5.219,2m^2 là thuộc quyền sử dụng chung theo phần của Bà D, ông L, ông Anh và ông Đ. Theo đó, các bên thoả thuận mỗi phần là 60m^2 đất ở tại nông thôn và 1.248m^2 đất CLN. Do đó, Bà D có quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thuộc quyền sử dụng chung tương ứng với phần của mình theo quy định tại Điều 209, Điều 218 và Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Bà D chỉ yêu cầu được chia diện tích đất là 568,4m^2/1.308m^2, trong đó đất thổ là 60m^2 và đất trồng cây lâu năm là 508,4m^2 là sự tự nguyện của Bà D và phù hợp pháp luật. Ông Bé A và ông Đ cũng thống nhất chia quyền sử dụng đất theo như yêu cầu của Bà D.

[2.3] Còn ông L chỉ đồng ý chia cho Bà D được quản lý sử dụng phần diện tích đất là 555,1m^2 trong đó có 60m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M8, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Ông L yêu cầu chừa diện tích đất 13,5m^2 trong phạm vi các mốc M9, M8, M7 về M9 để làm lối đi chung ra thăm mộ và thăm vườn. Xét thấy: Căn cứ vào Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò và lời trình bày của các đương sự thể hiện phần đất vườn và phần mộ ở phía sau đất của ông L, ông Bé A, ông Đ và Bà D. Trường hợp ông L muốn có lối đi ra vườn và thăm mộ thì ông L có thể mở lối đi qua đất của mình. Do đó, việc ông L yêu cầu chừa lại diện tích đất 13,5m^2 trong phạm vi các mốc M9, M8, M7 về M9 để làm lối đi là không phù hợp nên không chấp nhận.

[2.4] Đối với diện tích đất còn lại của thửa đất số 460 và thửa 79a là thuộc quyền sử dụng chung của ông L, ông Bé A và ông Đ do các ông không yêu cầu chia nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Trên diện tích đất giao cho Bà D quản lý, sử dụng trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, ông L có xây dựng hàng rào, bơm cát làm sân, làm mái chái và 01 phần căn nhà bếp. trước đây ông L có yêu cầu phản tố là yêu cầu Bà D phải bồi thường toàn bộ tài sản có trên đất

với số tiền là 10.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay ông L đã rút yêu cầu phản tố về việc bồi thường thiệt hại tài sản có trên đất, không yêu cầu Toà án giải quyết. Trường hợp Toà án xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà D thì ông L tự nguyện đập, dỡ bỏ di dời toàn bộ tài sản của ông L trên đất để giao đất cho Bà D. Về số tiền bồi thường thiệt hại ông L và Bà D sẽ tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà D cũng thống nhất về bồi thường thiệt hại về tài sản của ông L có trên đất phía Bà D và ông L sẽ tự nguyện thoả thuận với nhau nên không yêu cầu toà án giải quyết. Do đó, đình chỉ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản có trên đất của ông L. Hộ ông L phải có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản của gia đình ông L có trên đất để giao đất cho Bà D được quản lý sử dụng.

[2.7] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia cho Võ Thị D được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là 568,4m^2, trong đó đất thổ là 60m^2 và đất trồng cây lâu năm là 508,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 460, tờ bản đồ số 4a hiện hộ ông Võ Văn Tư đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2006 và thuộc một phần thửa 79a, tờ bản đồ số 4a hiện hộ ông Võ Văn Tư đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/10/1993, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Hộ ông Võ Văn L có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản của hộ ông L ra khỏi phần đất giao cho Bà D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là tranh chấp chia tài sản chung nên Võ Thị D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà Bà D được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên theo quy định tại các Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn án phí cho Võ Thị D.

[4] Về chi phí tố tụng: Số tiền đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 5.548.000đ (Năm triệu năm trăm bốn mươi Tám nghìn đồng). Do yêu cầu của Bà D được chấp nhận toàn bộ nên ông L phải chịu toàn bộ số tiền này. Tuy nhiên tại phiên toà ngày hôm nay Bà D đồng ý chịu ½ số tiền trên cụ thể Bà D chịu 2.774.000đ và ông L phải chịu 2.774.000đ. Xét thấy đây là sự tự nguyên của Bà D và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Do Bà D đã nộp tạm ứng trước toàn bộ số tiền nêu trên và đã chi xong nên buộc ông L phải có nghĩa vụ nộp số tiền 2.774.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) để trả lại cho Bà D.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự. Điều 203 Luật đất đai.

Căn cứ vào các Điều 5; Điều 6; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158, Điều 165; Điều 166; Điều 227 và Điều 228; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Thị D.

1.1. Chia cho Võ Thị D được quyền sử dụng diện tích đất qua đo đạc thực tế là 568,4m^2, trong đó đất ở tại nông thôn là 60m^2 và đất trồng cây lâu năm là 508,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 460, tờ bản đồ số 4a hiện hộ ông Võ Văn Tư đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2006 và thuộc một phần thửa 79a, tờ bản đồ số 4a hiện hộ ông Võ Văn Tư đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/10/1993, trong phạm vi các mốc M1, M12, M5, M6, M7, M9 về M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 3/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

1.2. Hộ ông Võ Văn L gồm: Ông Võ Văn L, bà Võ Thị Mỹ L, anh Võ Tấn C, anh Võ Quang L và chị Võ Thị Thu S có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản của hộ ông L ra khỏi phần đất giao cho Bà D.

Võ Thị D có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2021 và ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

1.3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản có trên đất với số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Võ Thị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Võ Văn L không phải nộp số tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013879 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò.

3. Về chi phí tố tụng khác:

3.1. Võ Thị D tự nguyện chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc

và định giá là 2.774.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Số tiền này Bà D đã nộp và chi xong.

3.2. Buộc ông L phải có nghĩa vụ nộp số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 2.774.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) để trả lại cho Bà D.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Nội